PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Kỳ thi:		7. Số báo danh	8. Mã đề
Bài thi:	Ngày thi://20		
Họ tên, chữ ký của cán bộ coi thi 1	1. Hội đồng thi:		0
	2. Điểm thi:	1 () () () () () () () () () () () () ()	1 () () () 2 ()
	3. Phòng thi số:	3 0 0 0 0 0 0 0 4 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0	3 <u> </u>
Họ tên, chữ ký của cán bộ coi thi 2	4. Họ và tên thí sinh:	5	5
	5. Ngày sinh:/(Nam/Nữ)	$7 \bigcirc \bigcirc$	7
	6. Chữ ký của thí sinh:	9	9
của cán bộ coi thi 1 Họ tên, chữ ký	2. Điểm thi: 3. Phòng thi số: 4. Họ và tên thí sinh: 5. Ngày sinh: (Nam/Nữ)	0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0 0	

Lưu ý:

- Giữ phiếu phẳng, không bôi bẩn, tẩy xóa, nhàu nát, làm rách, ghi đè lên các ô Vuông đen để phần mềm chấm tự động.
- Dùng bút chì (hoặc bút tối màu) tô đậm và kín một ô tròn tương ứng Mã đề, Số báo danh, và Đáp án đúng cho từng câu trắc nghiệm.

	A B C D	A B C D	A B C D	A B C D	A B C D
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					